

Bản án số: 76/2020/HS-ST
Ngày 11-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TTHÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Sóng
2. Ông Bùi Đức Khoa.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc L - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 74/2020/HSST ngày 12 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn H, sinh năm 1993, tại H; giới tính: N; Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố H; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt N; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn T và bà Trần Thị T gia đình có 04 anh chị em, H là con út; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt để tam giam từ ngày 09/3/2020; Có mặt.

2. Nguyễn Văn N, sinh năm 1993, tại H; giới tính: N; Nơi cư trú: Thôn 02, xã Đ, huyện Thủy Nguyên, thành phố H; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt N; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 8/12; con ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị L; gia đình có 03 anh em, N là con lớn trong gia đình; chưa có vợ con; tiền sự: không; tiền án: Bản án số 96/2012/HSST, ngày 26/7/2012 Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 07 năm tù về tội Hiếp dâm trẻ em theo khoản 1 Điều 112 Bộ luật hình sự (tội rất nghiêm trọng) và 05 năm tù về tội Giao cấu với

trẻ em theo khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự (tội rất nghiêm trọng). Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành 12 năm tù. Nộp án phí ngày 20/12/2012, ra tù ngày 25/11/2019 (chưa xóa án); bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị can để tạm giam từ ngày 09/3/2020; có mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Trần Duy K, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện Thủy Nguyên, thành phố H; vắng mặt.

Anh Nguyễn N T, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện Thủy Nguyên, thành phố H; vắng mặt.

Chị Lò Thị T, sinh năm 2002; Địa chỉ: Tổ dân phố Đà Nẵng, thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, thành phố H; vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Hương T, sinh ngày 02/7/2005; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bái Trong, xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố H; Nơi ở hiện nay: Thôn Chân Lầm, xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố H; có mặt.

Chị Nguyễn Thùy L, sinh ngày 08/10/2003; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Vườn Đốm, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố H; Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố Đà Nẵng, thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, thành phố H; có mặt.

Người giám hộ của chị Nguyễn Thị Hương T: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bái Trong, xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố H; Nơi ở hiện nay: Thôn Chân Lầm, xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố H; có mặt.

Người giám hộ của chị Nguyễn Thùy L: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Vườn Đốm, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 45 phút ngày 04/3/2020, Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội kết hợp với Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Tvà Công an xã Ngũ Lão làm nhiệm vụ đã phát hiện tại phòng hát số 03 quán Karaoke Matxcova có địa chỉ tại thôn 12, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thành phố H có 06 đối tượng đang sử dụng trái phép chất ma túy gồm: Phạm Văn H; Trần Duy K, sinh năm 1993, trú tại: thôn A, xã A, huyện Thủy Nguyên, thành phố H; Nguyễn N

T, sinh năm 1994, trú tại: thôn 2, xã Đ, huyện Thủy Nguyên, thành phố H; Lò Thị T, sinh năm 2002, trú tại: thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, thành phố H; Nguyễn Thị Hương T, sinh ngày 02/7/2005 (14 tuổi 8 tháng 02 ngày), trú tại: thôn Bái Trong, xã Hoa Đông, huyện Thủy Nguyên, thành phố H; Nguyễn Thùy L, sinh ngày 08/10/2003 (16 tuổi 4 tháng 26 ngày), trú tại: Vườn Đóm, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố H.

Vật chứng thu giữ tại phòng hát số 03 gồm: 01 (một) đĩa sứ bầu dục, màu trắng (kích thước 20cm x 15cm) trên mặt đĩa có bảm dính tinh thể màu trắng; 01 (một) tẩu tự cuốn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 50 nghìn đồng (dài khoảng 16cm, được cố định 02 đầu bằng vỏ thuốc lá), có bảm dính tinh thể màu trắng. Tổ công tác đã đưa các đối tượng: H, K, T, T, T, L cùng vật chứng về trụ sở công an xã Ngũ Lão lập biên bản xác minh tin báo tố giác tội phạm (bút lục: 24-30).

Quá trình bắt giữ cơ quan công an còn đưa chủ quán Karaoke Matxcova là Trần Văn Thọ, sinh năm 1970, trú tại: thôn 3, xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên, thành phố H về trụ sở công an xã Ngũ Lão làm việc.

Tại cơ quan công an, các đối tượng H, K, T, T, T, L đều khai: Lúc đầu, cả nhóm cùng nhau sử dụng ma túy tại quán Karaoke Phú Khang có địa chỉ tại thôn 12, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thành phố H. Tham gia sử dụng ma túy cùng với cả nhóm còn có Nguyễn Văn N. Do quán Phú Khang đến giờ đóng cửa nên cả nhóm tiếp tục cùng nhau đến quán Karaoke Matxcova sử dụng ma túy tiếp. Khi đi, H cầm tẩu tự cuốn còn N đưa cho L cầm đĩa vừa sử dụng ma túy ở quán Phú Khang mang sang quán Matxcova để trên bàn trong phòng hát 03 thì bị công an phát hiện, thu giữ. Trước khi công an bắt giữ thì N bỏ về trước.

Tiến hành khám xét khẩn cấp phòng hát tại quán Karaoke Phú Khang nơi các đối tượng sử dụng ma túy thu giữ: 01 túi nylon (kích thước 1,5cm x 02cm) bên trong bảm dính tinh thể màu trắng (bút lục: 37-38).

Tiến hành test nước tiểu của các đối tượng cho kết quả: trong thành phần nước tiểu của các đối tượng Phạm Văn H, Nguyễn Văn N, Trần Duy K, Nguyễn Thị Hương T, Nguyễn Thùy L đều dương tính với chất ma túy Ketamine. Trong thành phần nước tiểu của Nguyễn N T, Lò Thị T, Trần Văn Thọ âm tính với các chất ma túy (bút lục: 65-72).

Do các đối tượng Nguyễn Thị Hương T, Nguyễn Thùy L chưa đủ 18 tuổi nên gia đình các đối tượng đã phối hợp với cơ quan công an đưa T, L đi xác định tình trạng nghiện ma túy. Tiến hành xác định tình trạng nghiện của các đối tượng có kết quả: Phạm Văn H, Nguyễn Văn N, Trần Duy K, Nguyễn Thị Hương T, Nguyễn Thùy L không nghiện chất ma túy (bút lục: 79-83).

Tại bản Kết luận giám định số 104/KLGD ngày 07/3/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố H kết luận: tinh thể màu trắng bám dính trên các vật chứng công an thu giữ gồm: đĩa sứ hình bầu dục màu trắng, tẩu tự cuốn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 50.000 đồng và trong túi nylon đều là ma túy, là loại Ketamine, không đủ điều kiện để xác định khối lượng (bút lục 63).

Tại cơ quan điều tra Phạm Văn H, Nguyễn Văn N khai: H và N là bạn làm việc cùng công ty. Sau khi ăn cơm trưa xong, khoảng 12 giờ ngày 03/3/2020, H khoe N có ma túy (Ketamine), rủ N hết giờ làm việc tìm người sử dụng ma túy cùng. N đồng ý. Khi hết giờ làm, khoảng 16 giờ cùng ngày, H gặp N nhắc lại việc sử dụng ma túy và hẹn N tối cùng ngày đi sử dụng ma túy. N bảo H để N tìm thêm người. N về nhà, rủ bạn cùng thôn là T tối đi hát (không nói cho T biết việc sử dụng ma túy), T đồng ý.

Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, N gọi điện thoại cho đối tượng tên là Quý (không xác định được căn cước, lai lịch) hỏi thuê nhân viên nữ đi hát cùng. Quý đồng ý. N và T đi vào khu nhà trọ Đức Minh thuộc thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, thành phố H gặp 03 nhân viên nữ là Nguyễn Thị Hương T, Nguyễn Thùy L và Nhung (không xác định được căn cước, lai lịch). Lúc đó, H gọi điện thoại cho N thì biết N đã thuê được nhân viên nữ nên H mang theo gói ma túy Ketamine sang nhà Trần Duy K (em họ H) rủ K đi hát. K đồng ý và sử dụng xe mô tô, biển kiểm soát: 15B2-388.43 chở H đến quán Karaoke Phú Khang. Tại đây, H là người trực tiếp thuê phòng hát. H gọi điện thoại bảo N đưa nhân viên đến phòng hát số 03.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, N và các nhân viên đến phòng hát. N nói với H, N không mang theo tiền, H thanh toán trước rồi N đưa tiền cho H sau. Mọi người ngồi hát khoảng 30 phút, N không thấy H bỏ ma túy ra để sử dụng nên đã hỏi H có sử dụng ma túy không để còn báo mọi người. H trả lời có. Một lúc sau, N tiếp tục giục thì H đi ra ngoài lấy một đĩa sứ màu trắng, hình bầu dục mang vào phòng hát. H dùng áo của mình đang mặc lau khô mặt đĩa, lấy từ trong người ra 01 túi nylon chứa Ketamine và 01 chiếc thẻ ATM (nhặt được trước đó). H đổ ma túy ra đĩa và đưa cho K bảo K “ấy đi” thì K cầm đĩa ma túy H đưa cho xào, kẻ được 04 đường thẳng để H và K sử dụng. Nhưng do chưa có tẩu cuốn nên K chưa sử dụng mà để đĩa ma túy trên bàn. Trong khi K xào, kẻ ma túy thì H lấy tờ tiền 50.000 đồng và 02 vỏ điều thuốc lá cuốn thành tẩu. H cuốn tẩu xong thì bê đĩa ma túy K đã kẻ xong để trên bàn mang đến mời Nhung, L, T mỗi người sử dụng một đường. H tiếp tục bê đĩa đến mời T nhưng T không sử dụng. H tự sử dụng ma túy. Sau đó, H kẻ một đường cho N sử dụng. K tự xào, kẻ 02 đường tự sử dụng. Sau đó, mọi người

ngồi nghe nhạc, Nhung về trước. Một lúc sau T đến ngồi hát cùng với nhóm của H. Đến khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày thì quán Phú Khang đến giờ đóng cửa nên nhóm của H đã chuyển sang quán Matxcova. H mang theo tàu còn N đưa cho L đĩa sứ vừa sử dụng ma túy mang sang quán Matxcova. H là người trực tiếp thuê phòng hát. N lấy đĩa từ trong túi xách của L để lên bàn, H bỏ tàu để ra đĩa. Sau đó, cả nhóm ngồi hát, N về trước. Khi công an kiểm tra, K đã giấu chiếc đĩa xuống gầm ghế thì bị phát hiện, thu giữ.

Khi rủ K đi cùng, H không nói cho K biết việc H và N rủ mọi người đến quán hát để sử dụng ma túy. H và N thống nhất tiền hát, tiền thuê nhân viên hát, sử dụng ma túy sẽ chia đôi, mỗi người chịu một nửa. H trả trước, khi nào có tiền N trả lại H sau.

Khi N rủ T đi hát karaoke cùng, không nói cho T biết đi hát có sử dụng ma túy. N không nói với T biết việc H và N bàn bạc rủ thêm người đến quán hát sử dụng ma túy. N là người trực tiếp liên lạc với Quý để thuê nhân viên. T đi cùng N đón nhân viên nữ tại nhà trọ. Việc hát và thuê nhân viên, T không phải trả tiền.

Đối với chiếc thẻ ATM các đối tượng dùng để xào kê ma túy đã bị rơi trên đường chuyển từ quán Karaoke Phú Khang sang quán Matxcova. Hiện cơ quan công an không thu giữ được.

Tại cơ quan điều tra, Trần Duy K khai: K là em họ của H, được H rủ đi hát karaoke. K không biết việc H và N bàn bạc tổ chức sử dụng ma túy. Tại quán Phú Khang, khi H đưa đĩa đã đồ sẵn ma túy, có thẻ ATM cho K. K hiểu ý H bảo K xào, kê ma túy để sử dụng. Do trước đó K đã sử dụng ma túy một vài lần nên biết cách đảo, xào Ketamine. K xào, kê ma túy thành 04 đường cho K và H sử dụng nhưng do chưa có tàu thì K chưa sử dụng. Sau đó, H bê đi mời mọi người hết chỗ ma túy K đã kê. Khi đến lượt mình, K tự kê 2 đường sử dụng hết. Việc K sử dụng ma túy không được H bàn bạc trước và không phải trả tiền (bút lục: 164-182).

Theo các nhân viên nữ được N thuê gồm Nguyễn Thị Hương T, Nguyễn Thùy L, Lò Thị T khai phù hợp với nội dung nêu trên: T, L, Nhung đang ở phòng trọ thì Quý gọi đi hát, bấm bài cho khách. Sau đó, L, T, Nhung đi cùng N và T đến quán Phú Khang. Tại đây, lúc đầu mọi người ngồi hát, sau đó H lấy đĩa mang từ ngoài vào phòng, đồ ma túy ra rồi đưa cho K xào, kê ma túy. H cuốn tàu, bê đĩa ma túy đi mời T, L, Nhung mỗi người hút một đường. Sau đó Nhung về trước. Việc T, L, Nhung hát, sử dụng ma túy với H và N được trả tiền. T đến sau không sử dụng ma túy, chỉ ngồi hát cùng mọi người (bút lục: 154-161, 186-197, 201-218).

Theo anh Nguyễn N T là người chứng kiến việc các đối tượng sử dụng ma túy tại quán Karaoke Phú Khang khai: T được N rủ đi hát karaoke nhưng không

biết việc H và N bàn nhau sử dụng ma túy. T đi cùng N đến nhà trọ để đón L, T, Nhung đi hát cùng. Đến quán, T chứng kiến việc H là người lấy đĩa và thẻ ATM, đồ ma túy ra đĩa đưa cho K xào kê ma túy, H cuốn tẩu. H là người bê đĩa ma túy đi mời mọi người trong phòng sử dụng. H mời T nhưng T không sử dụng (bút lục: 140-153).

Bản Cáo trạng số 78/CT-VKS ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố Phạm Văn H về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, c, khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự và Nguyễn Văn N về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, c, khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Văn N khai nhận và thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa người làm chứng Nguyễn Thị Hương T, Nguyễn Thùy L khai: Khoảng 8 giờ ngày 03/3/2020 khi đang ở nhà trọ Đức Thịnh tại thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, thành phố H, N đi cùng một người bạn sau này mới biết tên là T đến rủ đi hát cùng bạn tại quán Karaoke Phú Khang, được trả tiền công bám bài và hát. Khi đến quán Phú Khang tất cả vào phòng Vip3 ở đó đã có hai người ngồi hát, sau này mới biết tên là H và K, khi đến được một lúc H lấy ma túy đồ ra đĩa, nhờ K kê ma túy và H trực tiếp bê đĩa ma túy đi mời mọi người sử dụng, có T không sử dụng, tất cả cùng nhau sử dụng ma túy và hát, thì Lò Thị T đến ngồi hát cùng mọi người và cũng không sử dụng ma túy, đến khoảng 23 giờ thì quán Phú Khang đóng cửa yêu cầu thanh toán, H là người thanh toán tiền, mọi người chuyển sang quán Matxcova bên cạnh để tiếp tục hát, khi di chuyển từ quán Phú Khang sang quán Matxcova N có lấy đĩa vừa sử dụng ma túy bỏ vào túi xách của L sang quán Matxcova N lấy đĩa trong túi của L ra để lên bàn, còn H bỏ tẩu cuốn bằng tiền 50.000 đồng vào đĩa. Sau đó tất cả mọi người cùng ngồi hát được khoảng 30 phút thì công an đến kiểm tra thu giữ vật chứng và dẫn giải về công an xã Ngũ Lão làm việc.

Người giám hộ của chị Nguyễn Thị Hương T là ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông là bố đẻ của chị T ông không có ý kiến gì về lời trình bày của chị T và cũng không có ý kiến gì bổ sung thêm, ông đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

Người giám hộ của chị Nguyễn Thùy L là ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông là bố đẻ của chị L ông không có ý kiến gì về lời trình bày của chị L và cũng không có ý kiến gì bổ sung thêm, ông đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tgiữ nguyên quan điểm truy tố Phạm Văn H về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, c, khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự và Nguyễn Văn N về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, c, h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự và đề nghị, Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b, c, khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 9 – 10 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/3/2020; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Căn cứ điểm b, c, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 9 – 10 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/3/2020; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 104/2019/PC09 đựng 01 đĩa sủ; 01 túi nilon đựng chất ma túy tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản và PH nhập kho ngày 06/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên; tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng có gắn sim 0333.673566 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy J4 màu đen gắn sim 0968.066.045 đã qua sử dụng; tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 tàu tự cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản và PH nhập kho ngày 06/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Các bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Văn N mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tvà người tiến hành tố tụng thuộc các cơ quan này trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn N không có ý kiến KH nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Văn N tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của

người làm chứng, phù hợp Bản kết luận giám định số 104/KLGD ngày 07/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an thành phố H, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ căn cứ kết luận: H và N là bạn làm cùng Công ty quen biết nhau thời gian được khoảng 3 tháng, ngày 03/3/2020 H đã có hành vi cất giấu ma túy là (Ketamine) và rủ Nguyễn Văn N sau khi tan làm hẹn nhau tại quán Karaoke Phú Khang cùng nhau sử dụng ma túy, H bảo N tìm thêm người cùng tham gia, N đồng ý. Sau khi tan làm về nhà N rủ thêm Nguyễn N T (là bạn cùng xóm) và Nguyễn Thị Hương T, Nguyễn Thùy L và 01 người tên Nhung (không biết rõ, tên, họ, địa chỉ cụ thể ở đâu) cùng đến quán Karaoke Phú Khang. Còn H về nhà rủ thêm Trần Duy K là em họ của H bảo K dùng xe mô tô của K BKS 15B2-388.43 chở H đến quán Karaoke Phú Khang đi hát, K đồng ý. Khi đến quán Phú Khang, H là người trực tiếp thuê phòng hát số 03 và gọi N đến đó, khi tất cả đến quán Phú Khang. Tại quán Phú Khang, H mang ma túy ra nhờ K kẻ ma túy để cho mọi người cùng sử dụng và lấy tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng và 02 vỏ điều thuốc lá cuốn thành tẩu, H quấn tẩu xong bê đĩa ma túy K đã kẻ đến mời Nhung, L, T sử dụng mỗi người sử dụng một đường, H tiếp tục bê đĩa ma túy đến mời T nhưng T không sử dụng, sau khi mời mọi người H tự sử dụng và kẻ thêm một đường đưa cho N sử dụng, sau khi sử dụng ma túy tất cả cùng ngồi nghe nhạc. Một lúc sau Lò Thị T đến hát cùng đến khoảng 23 giờ 45 phút quán Phú Khang đến giờ đóng cửa, H và N thống nhất tiền hát và tiền sử dụng dịch vụ sẽ do H và N cùng trả nhưng do N không mang theo tiền nên H sẽ thanh toán trước rồi sau đó N sẽ đưa trả tiền cho H sau. Sau đó cả nhóm thấy quán Karaoke Matxcova bên cạnh vẫn chưa đóng cửa tất cả lại chuyển sang đó tiếp tục hát, H mang theo tẩu cuốn, N cầm đĩa vừa sử dụng ma túy đưa cho L bỏ vào túi để mang đi, khi đến quán Matxcova H là người thuê phòng hát, N lấy đĩa từ túi xách của L ra để lên bàn, H bỏ tẩu cuốn bằng tiền 50.000 đồng vào đĩa, cả nhóm ngồi hát khoảng 30 phút thì bị công an vào kiểm tra thu giữ vật chứng và dẫn giải về công an xã Ngũ Lão lập biên bản. Với hành vi trên các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn N đã đồng phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” Phạm Văn H theo điểm b, c, khoản 2, Điều 255 của Bộ luật hình và bị cáo Nguyễn Văn N theo điểm b, c, h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

[3]. Về tình tiết định khung hình phạt:

Phạm Văn H đã có hành vi chuẩn bị ma túy, rủ N và bảo N tìm thêm người để cùng nhau sử dụng ma túy, để thực hiện được việc sử dụng ma túy H đã thuê phòng số 3 của quán Karaoke Phú Khang và tại quán Phú Khang, H đã trực tiếp bê đĩa ma túy mời lần lượt từng người có mặt sử dụng đó là Trần Duy K, Nguyễn Thị

Hương T, Nguyễn Thùy L, N và H mỗi người sử dụng một lần; đối với Nguyễn Văn N sau khi được H rủ đã tiếp nhận ý chí và tìm thêm người để cùng tham gia sử dụng ma túy đó là Nguyễn Thị Hương T, Nguyễn Thùy L; trong đó xác định Nguyễn Thị Hương T và Nguyễn Thùy L đều là người dưới 18 tuổi đây là tình tiết định khung hình phạt đó là “*phạm tội đối với hai người trở lên*” và “*đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi*” được quy định tại điểm b, c, khoản 2, Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn N còn có 01 tiền án về tội rất nghiêm trọng do cố ý chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội rất nghiêm trọng, đây xác định là tình tiết định khung hình phạt “*tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 255 của Bộ luật hình sự.

Bản Cáo trạng số 78/CT-VKS ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố Phạm Văn H và Nguyễn Văn N như đã nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, vi phạm các chính sách pháp luật của Nhà nước về phòng chống ma túy. Bị cáo nhận thức rõ tác hại của ma túy nhưng không có ý thức phòng tránh mà đã coi thường pháp luật cất giấu ma túy để tổ chức sử dụng làm ảnh hưởng tới sức khỏe của bản thân rồi trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Xem xét đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhân thân các bị cáo, tính chất vụ án và quyết định hình phạt:

- Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Văn N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Phạm Văn H còn có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự bố đẻ bị cáo có công với cách mạng được tặng kỷ niệm chương chiến sỹ trường sơ đường Hồ Chí Minh năm 2009, nên cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

- Đây là vụ án đồng phạm nên cần phân hóa vai trò của đồng phạm khi quyết định hình phạt, tuy các bị cáo có sự bàn bạc với nhau từ trước nhưng xác định đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc phân công nhiệm vụ, vị trí, vai trò của từng người từ trước mà chỉ đơn thuần nói với nhau tìm thêm người, tìm địa điểm để cùng nhau sử dụng ma túy. H là người chuẩn bị ma túy, đề xuất rủ thêm người cùng sử dụng tại quán Phú Khang và cũng là người trực tiếp đổ ma túy ra đĩa và nhờ K ke ma túy, trực tiếp bê đĩa ma túy đi mời mọi người sử

dụng. Đối với Nguyễn Văn N tiếp nhận ý chí của H đồng ý cùng H sử dụng ma túy và tìm thêm người đó là L và T cùng sử dụng ma túy, tại quán Phú Khang H và N đã thống nhất thỏa thuận với nhau do N không mang theo tiền nên H sẽ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ tiền thuê phòng và tiền dịch vụ N sẽ trả cho H sau. Khi đến quán Phú Khang thấy H và mọi người ngồi hát không mang ma túy ra sử dụng N đã hỏi và thúc giục H mang ma túy ra để sử dụng và N cũng trực tiếp sử dụng ma túy. Khi quán Karoke Phú Khang hết giờ đóng cửa tất cả chuyển sang quán Matxcova N trực tiếp cầm đĩa vừa sử dụng ma túy bỏ vào túi của L đến quán Matxcova N lấy đĩa từ trong túi của L ra đặt lên bàn, H bỏ tờ cuốn bằng tiền vào đĩa. Do vậy xác định bị cáo Phạm Văn H và bị cáo Nguyễn Văn N có vị trí, vai trò ngang nhau đều là người thực hành tích cực. Từ những phân tích và nhận định nêu trên Hội đồng xét xử, xét: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần áp dụng hình phạt nghiêm trọng xứng với tính chất và hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo để quyết định hình phạt; bị cáo H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo N nhân thân có một tiền án về tội rất nghiêm trọng, do đó ý chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội rất nghiêm trọng, nên cần phải áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo N cao hơn so với bị cáo H và buộc các bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ điều kiện giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung

Tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Biên bản xác minh tài sản của cơ quan điều tra các bị cáo chưa có gia đình riêng thu nhập không ổn định. Vậy xác định bị cáo H và N không có khả năng thi hành hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng

Các vật chứng cần xử lý tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản và PH nhập kho ngày 06/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tgồm có:

- 01 phong bì niêm phong số 104/2019/PC09 đựng 01 đĩa sứ; 01 túi nilon đựng chất ma túy đây xác định là công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.
- 01 tờ tự cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, đây cũng xác định là vật chứng của vụ án còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng có gắn sim 0333.673566 đã qua sử dụng, đây xác định là công cụ phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy J4 màu đen gắn sim 0968.066.045 đã qua sử dụng, đây xác định là công cụ phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

[7] Các nội dung khác

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade mang biển kiểm soát 15B2-388.43 Công an thu giữ của Trần Duy K. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của K. Việc K dùng chiếc xe này chở H đến quán karaoke Phú Khang để sử dụng ma túy, kết quả điều tra cho thấy, K không biết và không được bàn bạc trước việc H, N tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho Trần Duy K sử dụng.

- Đối với hành vi của Trần Duy K có hành vi giúp H xào, kẻ ma túy để H mang đi mời người khác sử dụng. Xem xét diễn biến hành vi phạm tội của các đối tượng thấy: K không được H, N bàn bạc trước việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tại phòng hát, K mới biết việc H tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Việc K giúp H xào, kẻ ma túy để cho H và K sử dụng, tính nguy hiểm cho xã hội không đáng kể. Tài liệu điều tra đến thời điểm hiện tại không chứng minh được K đồng phạm với H, N về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự nên Công an huyện Tđã xử lý hành chính đối với K.

- Đối với các đối tượng Nguyễn Thị Hương T, Nguyễn Thùy L là những người được H, N cho sử dụng chất ma túy Ketamine. Quá trình điều tra chứng minh, T, L là nhân viên chuyên phục vụ khách hát karaoke. T, L không biết việc H, N tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại quán karaoke Phú Khang. T, L cùng sử dụng ma túy do H mời nhưng không phải trả tiền, không đồng phạm với H, N về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Công an huyện Tđã xử lý hành chính.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b, c, khoản 2, Điều 255; điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử: Phạt bị cáo Phạm Văn H 08 (Tám năm) tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là 09/3/2020.

2. Căn cứ điểm b, c, h, khoản 2, Điều 255; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử: Phạt bị cáo Nguyễn Văn N 09 (Chín năm) tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là 09/3/2020.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 104/2019/PC09 đựng 01 đĩa sù; 01 túi nilon đựng chất ma túy tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản và PH nhập kho ngày 06/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố H.

- Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước 01 tàu tự cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản và PH nhập kho ngày 06/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố H.

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4 màu đen gắn sim 0968.066.045 đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng có gắn sim 0333.673566 đã qua sử dụng tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản và PH nhập kho ngày 06/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố H.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Văn N mỗi bị cáo phải 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- CATP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an huyện Thuỷ Nguyên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu toà, hồ sơ;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp TP H;
- PV 27 công an TP H.

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mến

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- CATP H;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- Công an huyện Thuỷ Nguyên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu toà, hồ sơ;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp TP H;
- PV 27 công an TP H.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

